

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính Phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và đăng ký lại số 0301838116 lần thứ 8 ngày 17 tháng 12 năm 2009.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì, xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị, vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Xây dựng công nghiệp, kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu; Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác. Đại lý bán lẻ xăng dầu, mua bán xăng dầu; Đóng mới sửa chữa bồn bể. Sửa chữa xe bồn các loại; Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại. Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;

Vốn điều lệ: 52.000.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Đình Kháng	Ủy viên
Ông Howang Yu Nam	Ủy viên
Ông Đoàn Đắc Học	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Ông Nguyễn Tường Ninh	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Đình Tiến	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Trưởng phòng kế toán

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Bá Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Đoàn Đắc Học

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Số. 146 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Đình Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.211.019.672	133.729.154.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.231.862.525	12.967.120.814
1. Tiền	111	5.1	4.231.862.525	12.967.120.814
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	86.493.917	85.863.917
1. Đầu tư ngắn hạn	121		665.773.585	665.143.585
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(579.279.668)	(579.279.668)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.375.354.674	72.214.397.913
1. Phải thu khách hàng	131		36.828.160.398	25.760.781.751
2. Trả trước cho người bán	132		6.144.415.668	23.563.535.587
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	15.529.394.733	23.203.260.825
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(126.616.125)	(313.180.250)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	53.669.712.235	46.142.660.666
1. Hàng tồn kho	141		53.799.348.985	46.935.286.947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(129.636.750)	(792.626.281)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.847.596.321	2.319.111.492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	674.032.253	569.307.045
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		757.460.031	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.6	10.009.786	828.088.821
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	1.406.094.251	921.715.626
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.385.595.736	41.957.744.846
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		33.820.680.776	29.333.262.078
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	11.398.953.032	8.476.992.946
Nguyên giá	222		43.898.731.243	39.974.781.564
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.499.778.211)	(31.497.788.618)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	9.966.482.134	9.000.000.000
Nguyên giá	228		10.187.993.095	9.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(221.510.961)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	12.455.245.610	11.856.269.132
II. Bất động sản đầu tư	240		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.037.210.441	11.037.210.441
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	11.037.210.441	11.037.210.441
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.527.704.519	1.587.272.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	900.654.052	1.587.272.327
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	27.050.467	-
2. Tài sản dài hạn khác	268	5.14	600.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN	270		165.596.615.408	175.686.899.648

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

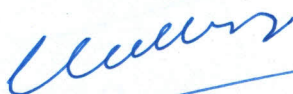
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.772.298.914	88.352.326.587
I. Nợ ngắn hạn	310		75.952.616.022	88.066.900.588
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.15	32.896.565.390	45.281.502.552
2. Phải trả người bán	312		14.533.450.752	8.769.498.629
3. Người mua trả tiền trước	313		6.738.088.558	15.010.168.254
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	1.711.632.076	648.102.382
5. Phải trả người lao động	315		2.239.557.980	1.073.354.313
6. Chi phí phải trả	316		6.603.782.735	5.963.963.094
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	10.325.911.992	10.840.083.831
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		903.626.539	480.227.533
II. Nợ dài hạn	330		819.682.892	285.425.999
3. Phải trả dài hạn khác	333		500.000.000	-
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		211.481.024	285.425.999
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		108.201.868	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.824.316.494	87.334.573.061
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	88.824.316.494	87.334.573.061
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.425.165.374	25.425.165.374
4. Cổ phiếu quỹ	414		(343.472.600)	(343.472.600)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.266.780.863	5.697.600.490
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.300.121.010	2.838.346.123
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.175.721.847	1.716.933.674
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		165.596.615.408	175.686.899.648

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2010	01/01/2010
4 Nợ khó đòi đã xử lý		906.179.016	719.614.891
1. Ngoại tệ các loại	USD	2.654,41	17.384,42

Trưởng phòng Kế toán



Hồ Trí Lượng


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011
 Giám đốc

Đoàn Đắc Học

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	432.581.479.596	326.888.041.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		183.900.000	357.990.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		432.397.579.596	326.530.051.298
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	393.313.611.804	301.573.710.732
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.083.967.792	24.956.340.566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	4.650.707.406	7.031.013.284
7. Chi phí tài chính	22	5.21	5.664.534.775	1.922.988.278
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.442.315.663	2.102.775.417
8. Chi phí bán hàng	24		13.027.628.794	9.555.700.493
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.372.403.053	9.765.536.457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.670.108.576	10.743.128.622
11. Thu nhập khác	31		3.085.766.189	4.478.828.931
12. Chi phí khác	32		3.203.042.812	4.728.605.465
13. Lợi nhuận khác	40		(117.276.623)	(249.776.534)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.552.831.953	10.493.352.088
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.22	2.344.384.686	808.574.168
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.12	(27.050.467)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.235.497.734	9.684.777.920
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.785	1.872

Trưởng phòng Kế toán



Hồ Trí Lượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.552.831.953	10.493.352.088
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.716.980.612	1.405.632.912
Các khoản dự phòng	03	(923.498.631)	(9.314.715.322)
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.608.510.201)	(6.738.993.777)
Chi phí lãi vay	06	4.442.315.663	2.102.775.417
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	13.180.119.396	(2.051.948.682)
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	8.406.099.986	(18.826.338.463)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(6.864.062.038)	29.179.921.198
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(1.500.366.673)	17.670.711.636
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	581.893.067	(150.872.568)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.442.315.663)	(2.102.775.417)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(188.918.413)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.332.358.849	1.461.789.603
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(527.556.595)	(4.533.584.943)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.977.251.916	20.646.902.364
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.856.665.493)	(13.947.943.271)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	141.717.642
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.654.619.450	6.994.874.624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(202.046.043)	(6.811.351.005)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	154.280.759.051	107.421.479.307
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(166.665.696.213)	(109.861.973.097)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.125.527.000)	(1.336.036.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.510.464.162)	(3.776.529.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.735.258.289)	10.059.021.569
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.967.120.814	2.908.099.245
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.231.862.525	12.967.120.814

Trưởng phòng Kế toán



Hồ Trí Lượng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Giám đốc

Đoàn Đắc Học

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính Phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và đăng ký lại số 0301838116 lần thứ 8 ngày 17 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở của Công ty đặt tại 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì, xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị, vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Xây dựng công nghiệp, kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu; Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác. Đại lý bán lẻ xăng dầu, mua bán xăng dầu; Đóng mới sửa chữa bồn bể. Sửa chữa xe bồn các loại; Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại. Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các khoản thuế khác được áp dụng theo các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	110.230.464	1.423.496.118
Tiền gửi Ngân hàng	4.121.632.061	11.543.624.696
Tổng	4.231.862.525	12.967.120.814

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	665.773.585	665.143.585
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(579.279.668)	(579.279.668)
Tổng	86.493.917	85.863.917

Mã giao dịch các cổ phiếu

	Giá trị sổ sách 31/12/2010 VND	Trích dự phòng 31/12/2010 VND
Cổ phiếu mã TP.UT - XI	355.000.000	305.000.000
Cổ phiếu mã CMC	306.000.000	274.279.668
Cổ phiếu mã khác	4.773.585	-
Tổng	665.773.585	579.279.668

5.3 Các khoản phải thu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
CHXD Thủ Đức	-	1.093.210.271
CHXD Chiến Thắng	560.376.667	2.196.465.999
CHXD Thống Nhất	304.011.254	597.577.044
Lãi được chia từ Công ty PMG	2.069.999.800	5.387.282.473
Ứng tiền thực hiện công trình	9.894.396.620	9.774.282.396
Phải thu các đơn vị nội bộ khác	2.700.610.392	4.154.442.642
Tổng	15.529.394.733	23.203.260.825

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.735.930.054	28.994.156.504
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.209.813.482	5.561.780.573
Thành phẩm	1.745.743.703	2.271.817.386
Hàng hoá	4.107.861.746	10.107.532.484
Tổng	53.799.348.985	46.935.286.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	129.636.750	792.626.281
Giá trị thuần của hàng tồn kho	53.669.712.235	46.142.660.666

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là các khoản chi phí mở LC và bảo lãnh dự thầu của những hợp đồng chưa thực hiện.

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	828.088.821
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	10.009.786	-
	10.009.786	828.088.821

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	1.406.094.251	189.356.777
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	732.358.849
Tổng	1.406.094.251	921.715.626

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	5.894.108.161	26.293.773.220	6.953.082.596	833.817.587	39.974.781.564
Tăng trong năm	2.211.453.261	1.684.882.589	641.474.364	122.851.456	4.660.661.670
Mua trong năm		1.684.882.589	576.113.636	122.851.456	2.383.847.681
XDCB hoàn thành	2.211.453.261	-	-	-	2.211.453.261
Tăng khác			65.360.728	-	65.360.728
Giảm trong năm	389.049.000	139.623.667	46.185.693	161.853.631	736.711.991
Thanh lý	389.049.000	139.623.667	46.185.693	161.853.631	736.711.991
Tại ngày 31/12	7.716.512.422	27.839.032.142	7.548.371.267	794.815.412	43.898.731.243
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	3.286.061.482	23.167.345.316	4.493.162.606	551.219.214	31.497.788.618
Tăng trong năm	370.899.646	623.760.562	597.826.863	124.493.541	1.716.980.612
Do trích khấu hao	370.899.646	623.760.562	597.826.863	124.493.541	1.716.980.612
Giảm trong năm	389.049.000	139.623.667	46.185.693	140.132.659	714.991.019
Thanh lý	389.049.000	139.623.667	46.185.693	140.132.659	714.991.019
Tại ngày 31/12	3.267.912.128	23.651.482.211	5.044.803.776	535.580.096	32.499.778.211
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	2.608.046.679	3.126.427.904	2.459.919.990	282.598.373	8.476.992.946
Tại ngày 31/12	4.448.600.294	4.187.549.931	2.503.567.491	259.235.316	11.398.953.032

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay của Ngân hàng Vietcombank.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2010	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
<u>Nguyên giá</u>			
Tại ngày 01/01	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Tăng trong kỳ	967.993.095	220.000.000	1.187.993.095
Mua trong năm	967.993.095	220.000.000	1.187.993.095
Tại ngày 31/12	9.967.993.095	220.000.000	10.187.993.095
<u>Hao mòn lũy kế</u>			
Tại ngày 01/01	-	-	-
Tăng trong kỳ	221.510.961	-	221.510.961
Do trích khấu hao	221.510.961	-	221.510.961
Tại ngày 31/12	221.510.961	-	221.510.961
<u>Giá trị còn lại</u>			
Tại ngày 01/01	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Tại ngày 31/12	9.746.482.134	220.000.000	9.966.482.134

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Năm 2010
VND

Tại ngày 01 tháng 01	11.856.269.132
Tăng trong năm	6.856.665.493
Kết chuyển tài sản cố định	2.211.453.261
Kết chuyển khác	4.046.235.754
Tại ngày 31 tháng 12	12.455.245.610

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí dự án Nhà máy tại Bình Dương	11.883.633.491	9.968.589.616
Chi phí dự án 446 Nơ Trang Long	571.612.119	290.303.028
Chi phí sửa chữa khác	-	1.597.376.488
Tổng	12.455.245.610	11.856.269.132

5.11 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G	11.037.210.441	11.037.210.441
Tổng	11.037.210.441	11.037.210.441

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G với tỷ lệ là 49%, tương đương 11.037.210.441 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.587.272.327
Tăng trong năm	923.701.046
Kết chuyển chi phí trong năm	1.610.319.321
Tại ngày 31 tháng 12	900.654.052

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	291.195.113	459.361.269
Chi phí ban đầu thành lập Công ty TNHH P.M.G	-	525.167.915
Chi phí XDCB - KDDV	546.293.939	431.697.688
Chi phí khác	63.165.000	171.045.455
Tổng	900.654.052	1.587.272.327

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần doanh thu nhận trước còn lại tại ngày 31/12/2010.

5.14 Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác trình bày khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

5.15 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	32.896.565.390	45.281.502.552
Công đoàn Tổng Công ty	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	10.997.639.651	17.014.375.123
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	8.557.581.239	9.433.256.829
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	3.341.344.500	8.833.870.600
Tổng	32.896.565.390	45.281.502.552

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Công đoàn Tổng Công ty, hợp đồng tín dụng số 135b/HĐTD ngày 1 tháng 7 năm 2008. Trong năm 2010, Công ty đã tái ký lại hợp đồng ngày 08 tháng 01 năm 2010. Lãi suất cho vay là 12% năm.

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng ngoại thương Việt Nam, hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0049/KH/08NH ngày 20 tháng 2 năm 2008, phụ lục hợp đồng số 02/CV-0049/KH/08NH ngày 2 tháng 3 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 03/CV-0049/KH/08NH ngày 22 tháng 3 năm 2010. Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 2 năm 2011. Lãi suất được tính theo từng lần nhận nợ.

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 158.441/HĐHMBL/2010 ngày 18 tháng 06 năm 2010 với hạn mức tính dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được tính theo từng lần nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	470.681.343
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.068.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.327.377.452	-
Các loại thuế khác	384.254.624	172.352.125
Tổng	1.711.632.076	648.102.382

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	109.903.727	34.251.119
Bảo hiểm xã hội, y tế	92.277.198	40.735.904
Cổ tức phải trả	6.205.462.000	6.974.947.000
Phải trả đối tượng khác	3.918.269.067	3.790.149.808
Tổng	10.325.911.992	10.840.083.831

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2009	52.000.000.000	25.425.165.374	(343.472.600)	5.448.577.766	2.338.406.843	377.719.241	85.246.396.624
Tăng trong năm	-	-		249.022.724	499.939.280	9.684.777.920	10.433.739.924
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	9.684.777.920	9.684.777.920
Trích quỹ				249.022.724	499.939.280	-	748.962.004
Giảm trong năm	-	-		-	-	8.345.563.487	8.345.563.487
Cổ tức	-	-		-	-	6.208.932.000	6.208.932.000
Trích quỹ	-	-		-	-	1.911.135.354	1.911.135.354
Giảm khác	-	-		-	-	225.496.133	225.496.133
Tại ngày 31/12/2009	52.000.000.000	25.425.165.374	(343.472.600)	5.697.600.490	2.838.346.123	1.716.933.674	87.334.573.061
Tại ngày 01/01/2010	52.000.000.000	25.425.165.374	(343.472.600)	5.697.600.490	2.838.346.123	1.716.933.674	87.334.573.061
Tăng trong năm	-	-		569.180.373	461.774.887	9.235.497.734	10.266.452.994
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	9.235.497.734	9.235.497.734
Trích quỹ				569.180.373	461.774.887	-	1.030.955.260
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	8.776.709.561	8.776.709.561
Chia cổ tức	-	-		-	-	5.174.110.000	5.174.110.000
Trích quỹ	-	-		-	-	2.919.181.910	2.919.181.910
Giảm khác	-	-		-	-	683.417.651	683.417.651
Tại ngày 31/12/2010	52.000.000.000	25.425.165.374	(343.472.600)	6.266.780.863	3.300.121.010	2.175.721.847	88.824.316.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	18.999.300.000	15.747.300.000
Vốn góp của đối tượng khác	32.741.800.000	35.993.800.000
Cổ phiếu ngân quỹ	258.900.000	258.900.000
Tổng	52.000.000.000	52.000.000.000

b. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	25.890	25.890
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	5.174.110	5.174.110
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	407.188.976.410	310.166.588.437
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.392.503.186	16.721.452.861
Tổng	432.581.479.596	326.888.041.298
Các khoản giảm trừ	183.900.000	357.990.000
Doanh thu thuần	432.397.579.596	326.530.051.298

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn bán hàng hóa	373.982.944.133	286.404.922.940
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.330.667.671	15.168.787.792
Tổng	393.313.611.804	301.573.710.732

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.21 Doanh thu/ chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.346.736.096	1.121.946.351
Lãi đầu tư chứng khoán	-	9.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.283.495.077	5.872.928.273
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.020.476.233	26.938.660
Tổng	4.650.707.406	7.031.013.284
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	4.442.315.663	2.102.775.417
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	696.051.197	723.467.250
Hoàn nhập dự phòng cổ phiếu	-	(1.023.131.317)
Chi phí tài chính khác	526.167.915	119.876.928
Tổng	5.664.534.775	1.922.988.278
Thu nhập tài chính - thuần	(1.013.827.369)	5.108.025.006

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.552.831.953	10.493.352.088
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	2.283.495.077	5.872.928.273
Lợi nhuận tính thuế	9.269.336.876	4.620.423.815
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.317.334.219	1.155.105.954
Thuế thu nhập hoãn lại	27.050.467	-
Chi phí thuế TNDN được giảm theo NQ 30 của CP	-	346.531.786
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.344.384.686	808.574.168

Công ty đã quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến hết năm 2007.

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.235.497.734	9.684.777.920
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.174.110	5.174.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.785	1.872

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	376.150.314.587	285.639.721.584
Chi phí nhân công	15.535.663.605	11.809.141.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.716.980.612	1.443.974.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.428.605.741	10.772.082.408
Chi phí bằng tiền khác	13.882.079.106	17.881.620.991
Tổng	419.713.643.651	327.546.541.425

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Thù lao	1.255.824.441	1.191.748.390

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2	Doanh thu bán hàng	601.032.800	4.618.700.811
XNDV Xây Lắp & TM Petrolimex	Doanh thu bán hàng	176.000.000	25.322.860
Tổng Kho Xăng Dầu Nhà Bè Khu Vực 2	Doanh thu bán hàng	-	13.600.000
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Doanh thu bán hàng	33.169.510.254	24.620.970.947
Công ty TNHH Cơ Khí Gas (PMG)	Cổ tức được nhận	2.274.487.177	5.872.928.273

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2	Mua hàng hóa, dịch vụ	209.430.405.812	134.220.563.394
Chi Nhánh Gas Sài Gòn	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.615.063.680	1.510.813.924

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu	Phải thu khách hàng	-	29.521.298
Tổng Kho Xăng Dầu Nhà Bè Khu Vực 2	Phải thu khách hàng	-	14.960.000
Công ty Xăng Dầu Bắc Tây Nguyên	Phải thu khách hàng	-	315.500.000
Công ty Cổ Phần Hóa Dầu	Phải thu khách hàng	1.508.700.424	1.878.102.424
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	9.035.158.568	1.868.624.811

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Khách hàng ứng trước	644.026.000	-
Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2 - Tổng Đại lý XD	Phải trả nhà cung cấp	8.414.772.688	4.837.214.900
Các đơn vị khác trong Tổng Công ty	Phải trả nhà cung cấp	203.969.810	12.917.680.836

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

Trưởng phòng Kế toán



Hồ Trí Lượng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

